TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2024/DS-PT
Ngày: 22/4/2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: + Bà Hoàng Thị Thơ

+ Ông Huỳnh Văn Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2024/TLPT-DS ngày 02/4/2024 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2023/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị Kiều H**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Dương Mỹ L**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: 3 ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: 79 ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2023).

- *Bị đơn:*

1/ Anh **Nguyễn Văn Hồng N**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: A T, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chị **Phạm Thị Thúy P,** sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị P: Anh **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số B ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/7/2023).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - chị **Phạm Thị Thúy P**.

(Có mặt chị L, anh D. Vắng chị T, anh N).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo án sơ thẩm;**

- *Nguyên đơn - bà Ngô Thị Kiều H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là chị Dương Mỹ L trình bày:*

Vào khoảng thời gian từ ngày 12/8/2022 đến ngày 24/8/2022 bà H có cho vợ chồng chị Phạm Thị Thúy P và anh Nguyễn Văn Hồng N vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng, hình thức giao nhận tiền bằng việc chuyển khoản thông qua số tài khoản tại ngân hàng của chị P, lãi suất thỏa thuận 2%/ tháng, thời hạn vay đến ngày 31/12/2022.

Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà H nhiều lần yêu cầu chị P và anh N thanh toán khoản nợ nêu trên nhưng anh chị không thực hiện còn cố tình né tránh, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu chị P và anh N phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vốn gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1.66%/ tháng tính từ ngày 31/12/2022 đến khi xét xử vụ án.

Việc chị P cho rằng đã chuyển trả toàn bộ số tiền 1.000.000.000 đồng cùng tiền lãi cho chị Nguyễn Thị Mộng T, nên không đồng ý trả cho bà H thì bà H không thống nhất, do người trực tiếp cho chị P, anh N mượn tiền là bà H chứ không phải chị T. Mặt khác, chị T cũng có bản khai trình bày xác định số tiền chị P chuyển trả cho chị T không phải khoản tiền 1.000.000.000 đồng mà bà H cho chị P và anh N vay mà là khoản vay khác giữa chị T và chị P. Bà H cũng không thống nhất việc anh N trình bày không có liên quan đến các khoản vay mượn giữa chị P và bà H, nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với mức lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 12/7/2023 là 91.300.000 đồng (thống nhất làm tròn 11 tháng).

- Bị đơn chị Phạm Thị Thúy P và người đại diện theo ủy quyền của chị P là anh Phạm Ngọc D trình bày:

Chị Phạm Thị Thúy P có nhận từ bà H số tiền 1.000.000.000 đồng thông qua giới thiệu từ chị T. Tuy nhiên, chị P xác định giữa chị và bà H không hề quen biết, việc vay mượn thực tế là thỏa thuận giữa chị P và chị T, chị P mượn tiền của chị T, chị T tự liên hệ với phía bà H để chuyển khoản cho chị P. Do đó, sau khi nhận số tiền 1.000.000.000 đồng từ bà H thì chị P đã chuyển khoản tổng số tiền 1.028.000.000 đồng là tiền vốn và lãi để trả cho chị T theo thỏa thuận. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì chị P không đồng ý.

- *Bị đơn là anh Nguyễn Văn Hồng N trình bày:*

Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý liên đới với chị P trong vụ án này. Anh xác định không có liên quan đến tất cả các giao dịch giữa chị P, chị T và bà H. Tuy anh và chị P là vợ chồng nhưng anh không hề biết và không có liên quan đến việc làm ăn của chị P.

Anh yêu cầu hủy bỏ Quyết định khẩn cấp tạm thời số 14/2023/QĐ-ADBPKCTT ngày 11/05/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Chị xác định khoản tiền mà chị P chuyển vào tài khoản của chị không phải là chi trả cho số tiền mà bà H cho chị P vay, vì giữa chị và chị P trên thực tế có phát sinh nhiều giao dịch vay mượn tiền với nhau. Đối với vụ án này chị nhận thấy không có liên quan nên xin được không tham gia tố tụng và xin mặt trong các buổi hòa giải, đối chất, phiên họp công khai chứng cứ và xét xử vụ án.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2023/DS-ST ngày 11-12-2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án – quyết định số 12/2023/TA-TB ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, 466, 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều H.

Buộc chị Phạm Thị Thúy P phải trả cho bà Ngô Thị Kiều H số tiền 1.091.300.000 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi mốt triệu, ba trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn Hồng N liên đới trách nhiệm cùng với chị Phạm Thị Thúy P.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 14/2023/QĐ-BPKCTT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 22/12/2023, chị Phạm Thị Thúy P có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều H. Chị P không có nợ tiền của bà H nên không đồng ý trả nợ.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Thúy P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Kiều H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị P và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Phạm Thị Thúy P còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Anh Nguyễn Văn Hồng N, chị Nguyễn Thị Mộng T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N và chị T.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Thúy P trình bày: Bản án sơ thẩm tuyên buộc chị Phạm Thị Thúy P phải trả cho bà Ngô Thị Kiều H số tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng 1.091.300.000 đồng là không có căn cứ. Chị P không đồng ý trả cho bà H số tiền nêu trên vì chị P không có nợ tiền của bà H. Chứng cứ chứng minh là giữa chị P và bà H không có quen biết, việc vay mượn tiền thực tế là thỏa thuận giữa chị P và chị T. Chị P mượn của chị T, chị T tự liên hệ với bà H để chuyển khoản cho chị P. Sau khi nhận số tiền 1.000.000.000 đồng từ bà H thì chị P đã chuyển khoản cho chị T tổng cộng 1.028.000.000 đồng để trả cho chị T theo thỏa thuận, vì vậy chị P không đồng ý trả tiếp số tiền này theo yêu cầu của bà H.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị P là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật, bởi lẽ:

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị P phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền mà bà H đã cho chị P vay là 1.000.000.000 đồng cộng với tiền lãi của 1.000.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/ tháng tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H có cung cấp cho Tòa án nội dung các tin nhắn chuyển khoản của bà H cho chị P vào các ngày 12/8/2022 và 24/8/2022 cùng bản sao kê sổ phụ ngân hàng. Nội dung tin nhắn và bản sao kê thể hiện bà H có chuyển khoản 05 lần từ số tài khoản 6905222249999 của bà H đến số tài khoản thụ hưởng 255552899999 của chị P, tổng số tiền chuyển khoản là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Quá trình giải quyết vụ án chị P và người đại diện theo ủy quyền của chị P cũng thừa nhận bà H có chuyển khoản cho chị P 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) vào các ngày 12/8/2022 và 24/8/2022. Cho nên, có đủ cơ sở xác định giữa bà H và chị P có quan hệ vay mượn tiền và yêu cầu khởi kiện của bà H đối với chị P là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị P phải trả cho bà H số tiền vốn 1.000.000.000 đồng cộng tiền lãi 91.300.000 đồng, tổng cộng 1.091.300.000 đồng là đúng pháp luật.

Chị P kháng cáo cho rằng chị không có vay tiền của bà H mà chỉ vay tiền của chị T và chị T nhờ bà H chuyển khoản cho chị P nhưng bà H không thừa

nhận lời trình bày này của chị P, mà chị P không cung cấp được chứng cứ chứng minh giữa bà H, chị T và chị P có thỏa thuận nội dung chị T nhờ bà H chuyển tiền cho chị P như chị P trình bày, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Mặt khác, chị T có nộp bản tự khai trình bày khoản tiền mà chị P chuyển vào tài khoản của chị T không phải để chi trả cho số tiền mà bà H cho chị P vay, kèm sao kê ngân hàng xác định giữa chị T và chị P trên thực tế có phát sinh nhiều giao dịch vay mượn tiền với nhau và số tiền 1.028.000.000 đồng mà chị P chuyển trả cho chị T là một trong những giao dịch dân sự giữa chị T và chị P không có liên quan đến bà H. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đối với tranh chấp phát sinh từ chị P và chị T, nếu có đủ căn cứ thì chị P có thể khởi kiện bằng vụ án khác để Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp pháp luật.

Xét thấy chị P kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị P.

Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm có sai sót về việc tính án phí đối với bà H, cụ thể không buộc bà H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận. Cho nên, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị P phải chịu 44.739.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có một phần phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Thúy P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2023/DS-ST ngày 11-12-2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang về án phí.

- Căn cứ Điều 463, 466, 468, khoản 1 Điều 470 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều H.

Buộc chị Phạm Thị Thúy P phải trả cho bà Ngô Thị Kiều H số tiền vốn vay và tiền lãi, tổng cộng 1.091.300.000 đồng (Một tỷ, không trăm chín mươi mốt triệu, ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều H về việc buộc anh Nguyễn Văn Hồng N liên đới trách nhiệm cùng với chị Phạm Thị Thúy P trả cho bà H số tiền nêu trên.

1.3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 14/2023/QĐ-BPKCTT ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

2/-Về án phí:

Chị Phạm Thị Thúy P phải chịu 44.739.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm, ba mươi chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm. Chị P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0005542 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 44.439.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Bà Ngô Thị Kiều H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 21.996.000 đồng theo biên lai số 0023948 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 21.696.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai trên.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy